

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09/2018/DS-ST

Ngày: 10-10-2018

V/v: Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xung và ông Nguyễn Văn Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2018/TLST-Dsgày 15 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị V, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trần Thị H (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, bà Phan Thị V trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa: Năm 2010 do có mối quan hệ quen biết nên giữa bà V, ông Đ, và bà H có mua bán cà phê nhân với nhau. Hình thức mua bán là bà V cho ông Đ, bà H nhận tiền chốt giá cà phê tại thời điểm nhận tiền và giao cà phê sau.

Ngày 10/7/2010 ông Nguyễn Ngọc Đ có bán cho bà V số lượng là 1.000kg cà phê; ngày 21/7/2010 bà Trần Thị H có bán cho bà V số lượng là 4.000kg cà phê; ngày 20/9/2010 bà Trần Thị H bán tiếp cho bà V số cà phê là

1.000kg. Tổng cộng là 6.000kg cà phê nhân. Hai bên thỏa thuận thời hạn giao cà phê là tháng 12/2010.

Sau khi giao tiền xong, bà H và ông Đ đã trả cà phê cho bà V với số lượng là 3.400kg. Số cà phê còn lại là 2.600kg đến nay chưa trả, tuy nhiều lần bà V yêu cầu ông Đ và bà H phải trả số cà phê còn lại thì bà H chối cãi và không chịu trả. Nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc Đ phải trả cho bà V số cà phê là 2.600kg..

- Theo lời khai của bị đơn, bà Trần Thị H trong quá trình thu thập chứng cứ (BL16): Bà Trần Thị H thừa nhận, bà và ông Nguyễn Ngọc Đ (là chồng của bà H) có bán cà phê nhân cho bà Phan Thị V với hình thức nhận tiền trước, giao cà phê sau. Cụ thể vào các ngày: Ngày 10/7/2010 ông Nguyễn Ngọc Đ có bán cho bà V số lượng là 1.000kg; ngày 21/7/2010 bà Trần Thị H có bán cho bà V số lượng là 4.000kg; ngày 20/9/2010 bà Trần Thị H bán tiếp cho bà V 1.000kg. Tổng cộng là 6.000kg. Tuy nhiên, bà H đã trả cho được 4.400kg. Số cà phê còn lại là 1.600kg, nhưng bà H không có chứng cứ để chứng minh. Nay bà V khởi kiện yêu cầu bà H và ông Đ phải trả cho bà V 2.600kg cà phê thì bà H không Đ ý, bà chỉ Đ ý trả cho bà V số cà phê còn nợ là 1.600 kg cà phê nhân.

Đối với ông Nguyễn Ngọc Đ là bị đơn trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản hợp lệ cho ông Nguyễn Ngọc Đ. Tuy nhiên ông Nguyễn Ngọc Đ vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc. Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương để tổng đạt những văn bản của Tòa án cho ông Nguyễn Ngọc Đ, nhưng ông Đ không có mặt tại địa phương nên không thể tổng đạt được văn bản của Tòa án. Vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản của Tòa án cho ông Nguyễn Ngọc Đ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày hôm nay bà V vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H, ông Đ phải thanh toán số 2.600kg cà phê nhân xô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội Đ xét xử và nguyên đơn Phan Thị V đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội Đ xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội Đ xét xử áp dụng Điều 255, Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số cà phê còn nợ là 2.600 kg cà phê nhân; Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phan Thị V khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc Đ phải thanh toán số 2.600 kg cà phê nhân xô, đây là vụ án dân sự “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án còn thời hiệu khởi kiện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại thôn Xuân Lộc 2, xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

Đối với bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội Đ xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị V: Bà V yêu cầu bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc Đ có nghĩa vụ thanh toán số cà phê nhân xô là 2.600 kg. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định: Giữa bà Phan Thị V với bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc Đ bắt đầu mua bán cà phê với nhau từ năm 2010, tổng số cà phê bà V bán cho bà H, ông Đ là 6.000 kg cà phê nhân, bà H, ông Đ đã nhận đủ tiền, thời điểm giao cà phê theo thỏa thuận là tháng 12/2010, khi đến hạn thì bà H, ông Đ không giao cà phê cho bà V. Ngày 07/01/2011 bà H trả tiền cho bà V tương ứng 2.000 kg cà phê nhân; ngày 15/12/2011 nhờ ông Tý trả thay 200 kg cà phê nhân; ngày 20/6/2012 bà H bán cho bà V 2.000 kg phân vi sinh, trị giá 8.000.000 Đ, tương ứng 200 kg cà phê nhân và đã khấu trừ vào số cà phê nợ. Trong năm 2015 bà H, ông Đ đã trả cho bà V 1000 kg cà phê nhân, tổng số cà phê bà H, ông Đ đã trả cho bà V là 3.400 kg cà phê nhân, số còn lại là 2.600kg cà phê nhân hiện nay chưa trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Đ được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có

lý do và cũng không cung cấp được lời khai, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối với bà Trần Thị H có tham gia làm việc nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, bà H và ông Đ phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của bà V.

Như vậy, việc bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc Đ có bán cho bà Phan Thị V 6.000 kg cà phê nhân vào các ngày 10/7/2010, ngày 21/7/2010 và ngày 20/9/2010 là có thật, nên Hội Đ xét xử công nhận giấy mua bán vào các ngày trên là có thật và hợp pháp. Về nội dung các bên thỏa thuận là phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp Đ dân sự.

Khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Điều 428 bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

“Hợp Đ mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả tiền cho bên bán”.

Theo đó, ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trần Thị H đã nhận đủ số tiền của và Phan Thị V, tương ứng với số tiền 6.000kg cà phê nhân. Việc nhận tiền của bà V thì được bà H thừa nhận. Nhưng đến thời điểm hiện nay, bà H và ông Đ chỉ giao cho bà V được số cà phê 3.400kg cà phê nhân, số cà phê còn lại là 2.600 kg cà phê nhân đến nay chưa thanh toán.

Khoản 1 Điều 432 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“Thời hạn thực hiện hợp Đ mua bán do các bên thỏa thuận. Bên bán phải giao tài sản cho bên mua đúng thời hạn đã thỏa thuận; bên bán chỉ được giao tài sản trước hoặc sau thời hạn nếu được bên mua Đ ý”*. Theo giấy mua bán thì bà H hẹn đến tháng 12/2010 sẽ giao hàng cho bà V, nhưng ông Đ và bà H vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

Từ những căn cứ trên, Hội Đ xét xử xét thấy, ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trần Thị H đã vi phạm hợp Đ mua bán tài sản giữa các bên. Nên yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên cần chấp nhận.

Xét lời khai của bị đơn, bà Trần Thị H: Bà Trần Thị H thừa nhận việc giao dịch mua bán giữa vợ chồng bà H (ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trần Thị H) với bà Phan Thị V diễn ra đúng với lời khai của bà V. Tuy nhiên, bà H cho rằng, bà H đã trả cho bà V số cà phê là 4.400kg cà phê nhân. Hiện nay bà H và ông Đ chỉ còn nợ lại số cà phê là 1.600kg. Nay bà V yêu cầu phải thanh toán

2.600kg cà phê nhân thì bà H không Đ ý. Bà H chỉ Đ ý trả cho bà V số cà phê là 1.600kg cà phê nhân.

Theo khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”.

Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, bà Trần Thị H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trần Thị H đều vắng mặt tại phiên tòa nên ông Đ và bà H phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Vì vậy, lời khai của bà Trần Thị H về việc cho rằng đã giao số lượng cà phê 4.400kg cà phê nhân là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội Đ xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Trần Thị H phải thanh toán cho bà Phan Thị V số cà phê là 2.600kg cà phê nhân là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Giá cà phê tại thời điểm xét xử ngày 10/10/2018 là 36.200 Đ x 2.600kg = 94.120.000 Đ theo biên bản xác minh. Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc Đ phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 4.706.000 Đ.

[4] Xét quan điểm đại diện viện kiểm sát: Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144; Điều 147; Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng áp dụng Điều 255, Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 428, Điều 432 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị V, buộc bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc Đ phải trả thanh toán 2.600kg cà phê nhân theo giấy mua bán các ngày 10/7/2010, 21/7/2010 và 20/9/2010.

2. Thời hạn thanh toán: Theo trình tự thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc Đ phải nộp 4.706.000 Đ (Bốn triệu bảy trăm linh sáu nghìn Đ) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phan Thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.373.000 Đ (Hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn Đ) theo biên lai thu tiền số 0002548, ngày 13/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKS ND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA DS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Đình Minh